

Thì tương lai đơn

Tương lai đơn (Future Simple) là thì dùng để diễn tả một hành động sẽ xảy ra trong tương lai nhưng không xác định rõ thời gian.



1. Công thức

Với động từ thường

Dạng câu	Công thức - ví dụ
Khẳng định	S + will + verb Ví dụ: I will clean my room.
Phủ định	S + will not + verb He will not go to school with her.
Nghi vấn	Will + S + verb? Ví dụ: Will you read this book?

Với động từ tobe

Dạng câu	Công thức - ví dụ
Khẳng định	S + will + be + N/adj Ví dụ: He will be a good husband.

Phủ định	S + will not + be + N/adj Ví dụ: I will not be angry if you can do it.
Nghi vấn	Will + S + be Ví dụ: Will you be home tonight?

***Lưu ý:** will not = won't

2. Cách dùng

- Thì tương lai đơn diễn tả một quyết định tại thời điểm nói.

Ví dụ: I will go home in 2 days.

- Dùng để đưa ra lời yêu cầu, đề nghị, lời mời.

Ví dụ: Will you go home with me tonight?

- Dùng để đưa ra lời hứa hẹn: Ai đó sẽ làm gì.

Ví dụ: I will do my homework tomorrow.

3. Dấu hiệu nhận biết

Trạng từ chỉ thời gian: in + thời gian, tomorrow, Next day, Next week/ next month/ next year...

Động từ thể hiện khả năng sẽ xảy ra:

- think/believe/suppose/...: nghĩ/tin/cho là...

- perhaps: có lẽ

- probably: có lẽ

- Promise: hứa